

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo quyết định số: /QĐ-CDYT ngày tháng năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Quảng Trị)

Ngành, nghề:	Y sỹ đa khoa
Mã ngành, nghề:	6720101
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp trung học phổ thông
Thời gian đào tạo:	03 năm

1. Giới thiệu chương trình:

Y sỹ trình độ cao đẳng là ngành nghề thuộc lĩnh vực chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng, có nhiệm vụ khám bệnh, chẩn đoán, điều trị và phòng ngừa bệnh tật ở tuyến y tế cơ sở, có thể tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Người làm nghề Y sỹ là người trực tiếp thực hiện các hoạt động khám và chữa bệnh, tư vấn sức khỏe, thực hiện các kỹ thuật y tế cơ bản và triển khai các chương trình y tế dự phòng tại cộng đồng. Phụ giúp Bác sỹ trong các kỹ thuật can thiệp điều trị bệnh nhân. Phạm vi công việc của Y sỹ có thể khác nhau tùy theo cơ sở y tế và vị trí việc làm, tuy nhiên các công việc chủ yếu và phổ biến nhất bao gồm: khám và điều trị bệnh thông thường tại các cơ sở y tế tuyến cơ sở; sơ cấp cứu ban đầu; chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân; thực hiện các chương trình y tế quốc gia; tư vấn, truyền thông và giáo dục sức khỏe cộng đồng; phối hợp với các cán bộ y tế khác trong công tác phòng chống dịch bệnh.

Để hành nghề, người Y sỹ phải có sức khỏe tốt, có ý đức, có đủ kiến thức về chính trị, pháp luật, kiến thức chuyên môn vững vàng và kỹ năng giao tiếp phù hợp với từng vị trí công việc. Ngoài ra, cần thường xuyên học tập, cập nhật kiến thức y học để nâng cao trình độ chuyên môn, trang bị ngoại ngữ và tin học, đồng thời rèn

luyện tinh thần trách nhiệm, tính cẩn thận, trung thực và thái độ tôn trọng người bệnh trong thực hành nghề nghiệp.

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 2940 giờ (tương đương 119 tín chỉ).

2. Mục tiêu đào tạo:

2.1. Mục tiêu chung:

- Đào tạo người Y sỹ đa khoa trình độ cao đẳng có y đức, có đủ kiến thức hiểu biết quan điểm, chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;

- Có đủ kiến thức về chuyên môn và kỹ năng giao tiếp đáp ứng với vị trí công việc tại các cơ sở y tế của Nhà nước hoặc các cơ sở y tế ngoài công lập thuộc tuyến y tế cơ sở, hành nghề theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, trung thực, khách quan, thận trọng trong nghề nghiệp, tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp.

- Người Y sỹ đa khoa cần phải thường xuyên học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học, mở rộng kiến thức xã hội; rèn luyện tính cẩn thận, tôn trọng người bệnh.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Kiến thức:

- Trình bày được những kiến thức hiểu cơ bản về quan điểm, chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về ngành học;

- Trình bày được các triệu chứng bệnh lý thông thường và yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng;

- Trình bày được các nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu và những nội dung chuyên môn thuộc chương trình trọng điểm về y tế tại địa phương, quản lý bệnh nghề nghiệp, quản lý y tế học đường;

- Trình bày được các hoạt động dự án, chương trình mục tiêu quốc gia về y tế;

1.2.2. Kỹ năng:

- Thực hiện các kỹ năng sơ cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh thông thường cho nhân dân tại cộng đồng, y tế từ tuyến 4 trở xuống.
- Xử lý ban đầu các ca bệnh để đảm bảo an toàn chuyển tuyến trên kịp thời.
- Khám, phát hiện các triệu chứng bệnh lý thông thường, chẩn đoán và xử trí đúng phác đồ các ca bệnh thường gặp;
- Tuyên truyền, vận động, triển khai thực hiện có hiệu quả các biện pháp phòng chống bệnh tại cộng đồng.
- Có kỹ năng tổ chức thực hiện và theo dõi các nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu, quản lý sức khỏe, quản lý bệnh nghề nghiệp, sức khỏe học đường, y tế Công - Nông - Lâm trường, xí nghiệp;
- Phát hiện và báo cáo kịp thời và phối hợp triển khai có hiệu quả các biện pháp phòng chống dịch bệnh tại địa phương, đơn vị;
- Xây dựng tủ thuốc, hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn và hợp lý, có kế hoạch quản lý các nguồn thuốc; xây dựng phát triển thuốc nam, kết hợp ứng dụng y học dân tộc trong phòng và chữa bệnh;
- Xây dựng kế hoạch hoạt động và lựa chọn chương trình ưu tiên về chuyên môn y tế trong phạm vi phụ trách;
- Có kỹ năng tổ chức thực hiện và đánh giá hoạt động dự án, chương trình mục tiêu quốc gia về y tế;
- Có kỹ năng hợp tác và làm việc nhóm, phối hợp với các ban ngành, đoàn thể trong thực hiện nhiệm vụ.
- Bồi dưỡng kiến thức chuyên môn kỹ thuật cho nhân viên y tế thôn, bản, cộng tác viên y tế/dân số tại cộng đồng;
- Tham mưu cho chính quyền xã, phường, thị trấn và cấp có thẩm quyền trong việc quản lý, thực hiện các nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu và tổ chức thực hiện những nội dung chuyên môn thuộc chương trình trọng điểm về y tế tại địa phương.
- Truyền thông, tư vấn giáo dục sức khỏe; phối hợp với các ban ngành, đoàn

thể, vận động cộng đồng cùng tham gia giải quyết những vấn đề sức khỏe ở tuyến y tế cơ sở;

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ, tin học cơ bản để sử dụng vào công tác chuyên môn, giao tiếp xã hội.

1.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

- Trung thực, khách quan, thận trọng, chính xác, luôn có trách nhiệm cao trong hoạt động nghề nghiệp;

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;

- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

- Tuân thủ đúng các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn, các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực y tế và các quy trình kỹ thuật của ngành y tế;

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có đủ kiến thức, kỹ năng và năng lực đáp ứng yêu cầu tuyển dụng tại các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập.

Có khả năng học tập hình thành kỹ năng hoặc nâng cấp trình độ cao hơn.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 2940 giờ/119 tín chỉ.

- Số lượng môn học: 38.

- Khối lượng học tập các môn học chung: 435 giờ/19 tín chỉ.

- Khối lượng học tập các môn học chuyên môn: 2505 giờ/100 tín chỉ.

- Khối lượng lý thuyết: 945 giờ/76 tín chỉ; thực hành, thực tập,...: 1895 giờ/43 tín chỉ; Kiểm tra: 100 giờ.

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Thực hiện các quy định về thực hành nghề và đạo đức nghề
2	NLCB-02	Áp dụng kiến thức các môn y học cơ sở trong thực hành chuyên môn.
3	NLCB-03	Áp dụng kiến thức dược lý trong thực hành chuyên môn
4	NLCB-04	Áp dụng kiến thức về thống kê y tế trong thực hành chuyên môn
5	NLCB-05	Sử dụng thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành
6	NLCB-06	Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định
7	NLCB-07	Lập kế hoạch tìm kiếm việc làm
8	NLCB-08	Tổ chức công việc hàng ngày
9	NLCB-9	Thực hiện vệ sinh, kiểm soát nhiễm khuẩn và an toàn người bệnh
II	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)	
10	NLCL-01	Tiếp đón, hướng dẫn người bệnh đến thăm khám, vào viện, ra viện, chuyển khoa, chuyển tuyến
11	NLCL-02	Khai thác tiền sử, bệnh sử và thăm khám lâm sàng người bệnh
12	NLCL-03	Nhận định tình trạng người bệnh và đưa ra chẩn đoán sơ bộ phù hợp

13	NLCL-04	Phân loại người bệnh đến khám và cấp cứu, xác định vấn đề ưu tiên để đưa ra hướng xử trí phù hợp
14	NLCL-05	Lập và thực hiện kế hoạch điều trị, chỉ định thuốc và theo dõi điều trị cho người bệnh
15	NLCL-06	Thực hiện thành thạo các kỹ thuật y tế cơ bản và chuyên ngành
16	NLCL-07	Thực hiện sơ cứu, cấp cứu ban đầu các trường hợp cấp cứu tại cơ sở y tế và cộng đồng
17	NLCL-08	Quản lý trang thiết bị y tế, vật tư tiêu hao, thuốc, hồ sơ, sổ sách
18	NLCL-09	Theo dõi, đánh giá diễn biến người bệnh, phát hiện và xử trí kịp thời các bất thường
19	NLCL-10	Giao tiếp lịch sự, thân thiện với người bệnh và gia đình người bệnh
20	NLCL-11	Tư vấn và giáo dục sức khỏe cho người bệnh, thân nhân và cộng đồng
III	Năng lực nâng cao	
21	NLNC-02	Quản lý y tế tuyến cơ sở

6. Nội dung chương trình:

Mã MH	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung	19	435	157	255	23
MH 1	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
MH 2	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 3	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH 4	Giáo dục quốc phòng - An ninh	3	75	36	35	4
MH 5	Tin học	3	75	15	58	2
MH 6	Tiếng Anh	4	120	42	72	6
II	Các môn học chuyên môn	100	2505	788	1640	77
II.1	Môn học cơ sở	30	495	335	146	14
MH 7	Giải phẫu - Sinh lý	6	105	74	28	3
MH 8	Giải phẫu bệnh	2	30	21	8	1
MH 9	Hoá sinh	2	30	21	8	1
MH 10	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3	45	36	8	1
MH 11	Vi sinh-Ký sinh trùng	3	45	32	12	1

MH 12	Dược lý	3	60	29	30	1
MH 13	Tâm lý-Giáo dục sức khỏe	2	30	21	8	1
MH 14	Vệ sinh phòng bệnh	2	30	21	8	1
MH 15	Dinh dưỡng tiết chế	2	30	21	8	1
MH 16	Tổ chức - Quản lý y tế	2	30	29		1
MH 17	Kiểm soát nhiễm khuẩn	3	60	30	28	2
II.2	Môn học chuyên môn	67	1965	421	1482	62
MH 18	Điều dưỡng cơ bản	3	75	15	58	2
MH 19	Thực tập Điều dưỡng cơ bản	2	90		86	4
MH 20	Bệnh nội khoa 1	5	75	61	12	2
MH 21	Thực tập Bệnh nội khoa 1	3	135		131	4
MH 22	Bệnh nội khoa 2	4	60	51	8	1
MH 23	Thực tập Bệnh nội khoa 2	3	135		131	4
MH 24	Bệnh ngoại khoa 1	3	45	36	8	1
MH 25	Thực tập Bệnh ngoại khoa 1	3	135		131	4
MH 26	Bệnh ngoại khoa 2	4	60	51	8	1
MH 27	Thực tập Bệnh ngoại khoa 2	3	135		131	4
MH 28	Bệnh Nhi khoa	5	75	61	12	2
MH 29	Thực tập bệnh Nhi khoa	3	135		131	4
MH 30	Bệnh Phụ - Sản	5	75	61	12	2

MH 31	Thực tập bệnh phụ - Sản	3	135		131	4
MH 32	Sơ cấp cứu ban đầu	2	45	15	28	2
MH 33	Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng	4	90	30	56	4
MH 34	Thực tập Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng	2	90		86	4
MH 35	Bệnh truyền nhiễm, xã hội	3	45	40	4	1
MH 36	Thực tập Bệnh truyền nhiễm, xã hội	2	90		86	4
MH 37	Thực tập tốt nghiệp	5	240		232	8
II.3	Môn học tự chọn, nâng cao	3	45	32	12	1
MH 38.1	Bệnh chuyên khoa	3	45	32	12	1
MH 38.2	Nghiên cứu khoa học	3	45	32	12	1
	Tổng cộng:	119	2940	945	1895	100

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình:

7.1. Hướng dẫn chung:

- Danh mục các môn học, mô đun và khối lượng kiến thức, kỹ năng quy định trong chương trình là quy định mức tối thiểu. Các môn học, mô đun chứa đựng nội dung kiến thức chủ yếu của mỗi chương trình bắt buộc sinh viên phải tích lũy.

- Mỗi tín chỉ được quy định tối thiểu bằng:

+ 15 giờ học lý thuyết và 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn;

+ 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận và 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn.

+ 45 giờ thực tập tại cơ sở.

- Một giờ học lý thuyết là 45 phút, một giờ học thực hành (*thí nghiệm, thảo luận*)/tích hợp/thực tập là 60 phút.

7.2. Hướng dẫn áp dụng:

7.2.1. Tổ chức đào tạo:

- Các môn học chung: thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (*phần thực hành trên máy tính của môn Tin học đảm bảo mỗi sinh viên mỗi máy*).

- Các môn học có tín chỉ lý thuyết: Được triển khai tại giảng đường cơ sở đào tạo hoặc học trực tuyến, giảng dạy theo giáo án lý thuyết (*các môn học, mô đun có cả phần học lý thuyết, thực hành, thực tập bắt buộc phải học phần lý thuyết trước, đến phần thực hành, đến phần thực tập*).

- Các môn học có tín chỉ thực hành: Chia nhóm, triển khai tại các phòng thực hành, phòng khám đa khoa của Trường, giảng dạy theo giáo án thực hành.

- Các môn học thực tập: Tổ chức học tập tại cơ sở thực hành đáp ứng các quy định.

- Môn học Thực tập tốt nghiệp:

+ Tổ chức học tập tại cơ sở thực tập phù hợp với vị trí việc làm của sinh viên sau khi ra trường.

+ Tổ chức học tập sau khi sinh viên hoàn thành 37 môn học.

+ Nội dung: Sinh viên tiếp cận, tham gia thực hành và nâng cao kỹ năng tay nghề và phối hợp xử lý các tình huống phát sinh trong hoạt động nghề nghiệp.

7.2.2. Thời gian bố trí đào tạo:

- Học tại Trường: Từ 6 giờ 30 đến 22 giờ. Buổi sáng từ 6 giờ 30 đến 11 giờ 30; buổi chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 30 các ngày trong tuần.

- Học thực tập tại cơ sở Y tế và thực tập tốt nghiệp:

Buổi sáng: Từ 7 giờ đến 11 giờ; buổi chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 30 (*hoặc theo giờ làm việc của cơ sở Y tế đến thực tập*);

Bố trí mỗi tuần 6 ngày, từ thứ 2 đến thứ 7.

Thực hiện trực không bắt buộc: Nếu được giao trực thì thực hiện theo giờ trực, nhưng không quá 22 giờ.

7.2.3. Phương pháp đào tạo. Yêu cầu đặt ra về phương pháp đào tạo là:

- Giảm tải trình bày lý thuyết, tăng thực tế, thực tiễn và phương pháp cầm tay chỉ việc, nâng cao kỹ năng tay nghề, đạo đức y học và thích ứng được ngay các nhiệm vụ chuyên môn được giao.

- Tăng cường và khuyến khích phương pháp dạy - học dựa vào bằng chứng, dựa trên vấn đề, dạy - học thực hành mô phỏng, thực tập bệnh viện theo phương thức năng lực thực hiện, tăng cường vai trò của giảng viên hướng dẫn thực hành, thực tập, tạo điều kiện cho sinh viên học thực hành theo quy trình nhằm nâng cao tính chủ động trong thực hành của sinh viên.

- Coi trọng việc phát huy tính tự chủ trong học tập của sinh viên.

- Tăng cường các phương tiện nghe, nhìn, phương pháp dạy học tích cực.

- Đảm bảo tài liệu dạy học và tài liệu tham khảo, điều kiện phương tiện thiết bị dạy - học.

- Nâng cao kỹ năng tay nghề, tiếp cận và xử lý các tình huống lâm sàng thường gặp.

- Thực hiện giám sát, lượng giá, đánh giá, thi kết thúc môn học, mô đun theo đúng quy chế.

7.3. Nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Thể dục, thể thao: Sau giờ nghỉ các buổi chiều hoặc các ngày nghỉ.

- Văn hóa, văn nghệ: Các ngày nghỉ hoặc buổi tối.

- Đọc sách, tài liệu tham khảo: Giờ hành chính, các ngày làm việc trong tuần.

- Các hoạt động đoàn thanh niên, Hội sinh viên: Giao lưu, sinh hoạt,...

- Tham quan, dã ngoại, hành trình về nguồn: Tối thiểu 01 lần/năm.

7.4. Đánh giá môn học, mô đun:

7.4.1. Kiểm tra (lượng giá quá trình đào tạo):

* Các môn học chung: Thực hiện theo hướng dẫn tại các thông tư hướng dẫn của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, phần chưa quy định trong các thông tư này thực hiện theo các quy định chung như sau.

* Số bài kiểm tra quy định cho từng môn học, mô đun theo tín chỉ:

- Bằng hoặc dưới 3 tín chỉ: 01 bài kiểm tra thường xuyên; 01 bài kiểm tra định kỳ.

- 04 tín chỉ: 02 bài kiểm tra thường xuyên, 01 bài kiểm tra định kỳ.

- 05-06 tín chỉ: 02 bài kiểm tra thường xuyên, 02 bài kiểm tra định kỳ.

* Cách thức đánh giá môn học, mô đun:

- *Kiểm tra thường xuyên:*

+ Thời điểm kiểm tra: Do giảng viên giảng dạy môn học, mô đun thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình triển khai theo từng môn học, mô đun.

+ Hình thức: Do giảng viên thực hiện, nếu kiểm tra viết (*cho môn lý thuyết*) thời gian làm bài tối đa 30 phút.

- *Kiểm tra định kỳ:*

+ Thời điểm kiểm tra:

Số lượng 01 bài: hoàn thành trên 70% thời gian học của môn học;

Số lượng 02 bài: Bài một hoàn thành trên 50% và bài hai hoàn thành trên 70% thời gian học của môn học.

+ Hình thức: Viết từ 45 đến 60 phút; thực hành 15 phút/sinh viên, vấn đáp 30 phút/sinh viên.

- Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

7.4.2. *Thi kết thúc môn học (lượng giá kết thúc):*

- Điều kiện dự thi kết thúc môn học:

+ Người học được dự thi kết thúc môn học phải đảm bảo tham dự ít nhất 80% thời gian học tập bao gồm: thời gian học lý thuyết, học tích hợp, thực hành, thực tập và đáp ứng được các yêu cầu khác quy định trong chương trình môn học.

+ Có đủ các cột điểm kiểm tra và điểm trung bình chung các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10.

- Thời điểm thi: Thi kết thúc môn học được thực hiện khi hoàn thành khối lượng chương trình môn học, mô đun theo quy định; Khi đã có kết quả thi kết thúc, phải hoàn thành tổng kết môn học và công bố, lưu trữ theo quy định.

- Số lần: Được tổ chức thực hiện không quá 02 lần.

- Hình thức thi kết thúc môn học:

+ Thi viết: từ 60 đến 120 phút.

+ Vấn đáp: 30 phút/sinh viên.

+ Thực hành: 15 phút/sinh viên (*tùy theo quy trình thực hiện*).

+ Bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập chuyên đề theo mẫu quy định.

- Điểm bài thi hết môn học là trung bình cộng điểm của các giảng viên chấm thi theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân;

- Quy định đánh giá kết thúc môn học, mô đun được quy định cụ thể và chi tiết tại từng chương trình môn học, mô đun và quy định hiện hành về tổ chức kiểm tra/thi được Hiệu trưởng ban hành áp dụng tại Trường Cao đẳng Y tế Quảng Trị.

7.5. Điều kiện tốt nghiệp

- Tích lũy đủ 119 tín chỉ của 38 môn học của chương trình đào tạo ban hành và đủ thời gian đào tạo theo quy định;

- Kết quả môn học Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng và An ninh đạt.

- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,0 trở lên;

- Không trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Hoàn thành các yêu cầu bắt buộc khác theo quy định của chương trình.

Sinh viên nào đầy đủ các điều kiện trên được Quyết định công nhận tốt nghiệp và ký Bằng tốt nghiệp.

7.6. Cấp bằng tốt nghiệp.

Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức trao bằng tốt nghiệp cho người đủ điều kiện cấp bằng tốt nghiệp đúng thời gian quy định.